

Số:

Kon Tum, ngày tháng năm

BÁO CÁO

Thẩm định dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh

Sở Tư pháp nhận được Công văn số 4282/STC-QLNS ngày 25/10/2021 của Sở Tài chính đề nghị thẩm định dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: "Sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại các Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Kon Tum" (sau đây gọi tắt là dự thảo Nghị quyết). Sau khi nghiên cứu dự thảo Nghị quyết và các văn bản pháp luật có liên quan, căn cứ Điều 121 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 36 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020), Điều 52 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (sau đây gọi tắt là Nghị định số 34/2016/NĐ-CP), Sở Tư pháp báo cáo thẩm định như sau:

1. Sự cần thiết ban hành

Thực hiện Luật Phí và lệ phí năm 2015, Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ ban hành quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí, Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Qua quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND cần sửa đổi, bổ sung một số nội dung để phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực tế của địa phương. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại các Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Kon Tum là cần thiết, phù hợp với quy định.

2. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Sở Tư pháp nhận thấy phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng của dự thảo Nghị quyết đã bao quát, đầy đủ, phù hợp với các nội dung có trong dự thảo Nghị quyết và quy định của pháp luật.

3. Sự phù hợp của nội dung dự thảo Nghị quyết với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước; tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo Nghị quyết với hệ thống pháp luật; sự phù hợp của nội dung dự thảo Nghị quyết với văn bản đã giao cho Hội đồng nhân dân quy định chi tiết

Về cơ bản, dự thảo Nghị quyết không đặt ra các quy định trái với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước; dự thảo đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp; dự thảo không đặt ra các quy định trái với văn bản có giá trị pháp lý cao hơn, cơ bản thống nhất với văn bản đã giao cho Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chi tiết. Tuy nhiên, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét lại một số nội dung sau:

3.1. Đề nghị cơ quan soạn thảo biên tập lại tên gọi của văn bản như sau: "*sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại các Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Kon Tum*" cho đúng với Mẫu số 36. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân các cấp sửa đổi, bổ sung một số điều (quy định trực tiếp/ban hành Quy định/Quy chế...) của Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ.

Điều 1 của dự thảo Nghị quyết đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh lại cho phù hợp với nội dung trên.

3.2. Đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét biên tập lại khoản 1 Điều 1 dự thảo Nghị quyết theo hướng: "*Sửa đổi tỷ lệ (%) để lại đơn vị thu, tỷ lệ (%) nộp ngân sách nhà nước đối với Phí sử dụng công trình kể cấu hạ tầng (đối với phương tiện ra, vào các cửa khẩu) trong Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y quy định tại khoản 2, Mục I, Phần B, Phụ lục I (chi tiết tại Phụ lục I ban hành kèm theo)*". Các khoản 2, khoản 3, khoản 4 đề nghị điều chỉnh cho phù hợp.

3.3. Đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh bãi bỏ nội dung tại mục II, phần A, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND⁽¹⁾. Lý do: nội dung về lệ phí cấp chứng minh nhân dân đã được các cơ quan, đơn vị đề xuất bãi bỏ⁽²⁾, Ủy ban nhân dân tỉnh kiến nghị xem xét bãi bỏ⁽³⁾. Bên cạnh đó, hiện nay, Bộ Công an đã có chủ trương ngừng cấp chứng minh nhân dân và triển khai cấp căn cước công dân trên phạm vi toàn quốc kể từ ngày 01/7/2021. Lệ phí cấp căn cước công dân thực hiện theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 59/2019/TT-BTC ngày 30/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí cấp Căn cước công dân.

3.4. Theo dự kiến tại Điều 2 dự thảo Nghị quyết, phí thăm định đề án xả thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi (đối với hoạt động thăm định do địa phương

¹ Quy định về lệ phí cấp Giấy chứng minh nhân dân.

² Tại Công văn số 512/CAT-PV01 ngày 01/3/2021 của Công an tỉnh; Công văn số 669/STC-QLNS ngày 24/02/2021 của Sở Tài chính.

³ Tại Phụ lục 3 kèm theo Báo cáo số 68/BC-UBND ngày 12/3/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo kết quả thực hiện kiến nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc tự kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật.

thực hiện) được bãi bỏ. Tuy nhiên, khoản 1 Điều 171 Luật Bảo vệ môi trường (có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2022) quy định: “*Hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đã được cơ quan nhà nước nhà nước có thẩm quyền tiếp nhận để giải quyết theo thủ tục hành chính về môi trường trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành được xử lý theo quy định của pháp luật tại thời điểm tiếp nhận, trừ trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị thực hiện theo quy định của Luật này*”. Vì vậy, đề xử lý đối với trường hợp tổ chức, cá nhân đã nộp hồ sơ đề nghị thẩm định đề án xả nước thải vào vào nguồn nước, công trình thủy lợi (*hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định của Luật Tài nguyên nước và Luật Thủy lợi*) trước ngày Nghị quyết có hiệu lực nhưng đến thời điểm Nghị quyết có hiệu lực chưa được cơ quan có thẩm quyền thẩm định theo quy định, cơ quan chủ trì soạn thảo cần phối hợp cơ quan Tài nguyên và Môi trường tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh có quy định chuyên tiếp. Bên cạnh đó, theo dự kiến tại khoản 2 Điều 4, Nghị quyết có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2022. Việc dự kiến cụ thể thời điểm có hiệu lực của văn bản là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 151 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật⁽⁴⁾. Tuy nhiên, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo lưu ý, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân ban hành vào thời điểm phù hợp để đảm bảo Nghị quyết có hiệu lực không sớm hơn 10 ngày kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành.

3.5. Đối với mức thu, đối tượng miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí cụ thể, đề nghị Sở Tài chính căn cứ quy định của Luật Phí và lệ phí năm 2015, Nghị định số 120/2016/NĐ-CP, Thông tư số 85/2019/TT-BTC, các văn bản pháp luật có liên quan và thực tiễn của địa phương để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định (*Sở Tư pháp không thẩm định nội dung này*).

4. Ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản

Sở Tư pháp nhận thấy dự thảo Nghị quyết đã được trình bày đúng quy định về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản quy phạm pháp luật được quy định tại Chương V, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật (*sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ*) và Mẫu số 36. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân các cấp sửa đổi, bổ sung một số điều (quy định trực tiếp/ban hành Quy định/Quy chế...) của Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ.

5. Trình tự, thủ tục xây dựng văn bản

Cơ quan chủ trì soạn thảo đã tổ chức lấy ý kiến của cơ quan, tổ chức có liên quan đối với dự thảo Nghị quyết; phối hợp tổ chức việc đăng tải toàn văn dự thảo Nghị quyết trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh theo quy định tại Điều 120 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.

⁴ Đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 48 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

6. Điều kiện trình Ủy ban nhân dân tỉnh

Sở Tư pháp nhận thấy dự thảo Nghị quyết đủ điều kiện trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, trình Hội đồng nhân dân tỉnh sau khi cơ quan chủ trì soạn thảo điều chỉnh lại một số nội dung và thực hiện các đề nghị khác được nêu trong Báo cáo này. Hồ sơ dự thảo Nghị quyết trình Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị thực hiện theo quy định tại Điều 122 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 *(đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 37 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020)*.

Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo khi tiếp nhận Báo cáo thẩm định thực hiện việc tiếp thu ý kiến thẩm định để chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết hoặc giải trình *(trong trường hợp không tiếp thu ý kiến thẩm định)*. Khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, đồng thời gửi báo cáo giải trình, tiếp thu kèm theo dự thảo Nghị quyết đã được chỉnh lý đến Sở Tư pháp để theo dõi theo quy định tại Điều 121 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 *(đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 36 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020)*.

Trên đây là Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp đối với dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: *“Sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại các Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Kon Tum”*./.

Nơi nhận:

- Sở Tài chính;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, XDKTr&TDTHPL/STP.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Vương Văn Tuyên